TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2063/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2023.
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đời.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Cửu Long;

Ông Phan Ngọc Tân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án thụ lý số: 1362/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2312/2023/QĐXXST-DS ngày 15/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **LCH**, sinh năm 1976; căn cước công dân số: 051076016***.

Địa chỉ: 140/10 đường LMX, Phường 7, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **TLB**, sinh năm 1978; căn cước công dân số: 079178005815.

Địa chỉ thường trú: Địa chỉ: 140/10 đường LMX, Phường 7, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: S703 SV, khu đô thị S, phường ALĐ, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung Đơn khởi kiện ngày 01/6/2023, Bản tự khai ngày 15/6/2023, nguyên đơn ông LCH trình bày*: Về quan hệ hôn nhân, ông H và bà TLB kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển 01/2005 ngày 16/01/2005. Sau khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng càng về sau càng nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sau đó hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ông H xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà TLB.

Về con chung: Ông H khai ông và bà B có 02 người con chung tên LHM, sinh ngày 25/12/2011 và LHKD, sinh ngày 31/12/2005. Ông H yêu cầu sau khi ly hôn, bà B là người trực tiếp nuôi 02 con chung, việc cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H trình bày hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Đồng thời, ông H có đơn yêu cầu không hòa giải đoàn tụ và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Theo nội dung Bản tự khai, bị đơn bà TLB trình bày*: Bà B xác nhận những lời trình bày của ông H về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay ông H yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn và đồng ý yêu cầu của ông H về việc bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Đồng thời, bà B có đơn yêu cầu không hòa giải đoàn tụ và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Theo nội dung Bản tự khai, cháu LHM và LHKD thống nhất trình bày*: Từ nhỏ, hai cháu đã được mẹ là bà TLB chăm sóc nuôi dưỡng, do đó khi cha mẹ ly hôn, hai cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Xét thấy, nguyên đơn - ông LCH khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn - bà TLB, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn đang cư ngụ tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt của đương sự đã được thực hiện theo quy định nên đây được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông LCH, Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua lời trình bày của ông H và bà B, có cơ sở xác định: Ông H và bà B là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2005. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà B là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải hòa, ông H và bà B đã sống ly thân nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có sự gắn kết sâu đậm. Do hai người hoàn toàn không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn

nhân không đạt được, nay ông H yêu cầu được ly hôn với bà B, bà B cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của ông H và bà B.

- Về con chung: Ông H và bà B có 02 người con chung gồm: LHM, sinh ngày 25/12/2011 và LHKD, sinh ngày 31/12/2005. Ông H yêu cầu sau khi ly hôn, giao 02 con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận. Xét thấy, theo bản tự khai ghi nhận ý kiến của con chung trên 7 tuổi thể hiện hai con chung có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Đồng thời, bà B cũng thống nhất đồng ý với yêu cầu nêu trên của ông H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của hai bên, giao 02 con chung nêu trên cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về tài sản chung: Ông H và bà B xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Ông H và bà B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn ông LCH phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **LCH**, sinh năm 1976 và bà **TLB**, sinh năm 1978.

Quan hệ hôn nhân giữa ông LCH và bà TLB (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2005) chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông H và bà B có 02 người con chung là **LHM**, sinh ngày 25/12/2011 và **LHKD**, sinh ngày 31/12/2005. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông H và bà B về việc giao 02 người con chung nêu trên cho bà TLB trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng: Ông H và bà B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có, Tòa án không xem xét.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông LCH phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0003725 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Ông LCH, bà TLB được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định pháp luật.

8. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Cửu Long **Phan Ngọc Tân**	**Danh Đời**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- UBND Phường 9, Quận 6, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, (Đ-Ngọc), 15.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Đời